

ĐẶC ĐIỂM NGƯỜI BỆNH BỊ RẮN CẮN VÀ MỘT SỐ YẾU TỐ LIÊN QUAN ĐẾN CHĂM SÓC TẠI TRUNG TÂM CHỐNG ĐỘC BỆNH VIỆN BẠCH MAI NĂM 2020

DƯƠNG THỊ LƯƠNG¹, NGUYỄN ĐỨC TRỌNG², ĐẶNG THỊ XUÂN¹
¹Trung tâm Chống độc, Bệnh viện Bạch Mai
²Trường Đại học Thăng Long Hà Nội

TÓM TẮT

Mục tiêu: Mô tả đặc điểm lâm sàng, cận lâm sàng và phân tích một số yếu tố liên quan đến kết quả chăm sóc của người bệnh bị rắn độc cắn tại Trung tâm Chống độc, Bệnh viện Bạch Mai 6 tháng đầu năm 2020.

Phương pháp: Nghiên cứu mô tả tiến cứu.

Kết quả: Trong 145 trường hợp bị rắn độc cắn, 26 trường hợp ở mức độ nhẹ, 45 trường hợp ở mức độ trung bình và 74 trường hợp ở mức độ nặng. 91,8% các trường hợp có kết quả chăm sóc tốt. Các đặc điểm về bệnh lý kèm theo, tình trạng vết rắn độc cắn và khả năng phục hồi của người bệnh có liên quan đến chăm sóc người bệnh bị rắn độc cắn.

Kết luận: 91,7% người bệnh có kết quả tốt và hài lòng với cách chăm sóc. Có mối liên quan có ý nghĩa thống kê giữa bệnh lý kèm theo, tình trạng vết rắn độc cắn và khả năng phục hồi của người bệnh với kết quả chăm sóc người bệnh bị rắn độc cắn.

Từ khóa: Rắn độc cắn, chăm sóc người bệnh bị rắn độc cắn.

SUMMARY

CHARACTERISTICS OF THE PATIENT BEING BITTEN BY SNAKE AND FACTORS RELATED TO CARE IN THE POISON CONTROL CENTER OF BACH MAI HOSPITAL 2020

Objectives: To describe clinical features, laboratory abnormalities and analyze some factors related to the results of the care for patients with snakebite treated at Poison Control Center of Bach Mai Hospital in the first 6 months of 2020.

Methods: Prospective observational study.

Results: Out of 145 cases of venomous snakebites, 26 cases in mild level, 45 cases of moderate level and 74 cases of severe cases. There are 91.8% of cases had good results. The

associated pathological features, the condition of the poisonous snake bite and the patient's ability to recover were related to the snakebites treatment.

Conclusion: 91.7% of patients had good results and were satisfied with the care. There was a statistically significant relationship between the background pathology, the condition of the snakebite bite and the recovery of patients.

Keywords: Venomous snake, snakebites, snakebites treatment protocol.

ĐẶT VẤN ĐỀ

Tại Trung tâm Chống độc, Bệnh viện Bạch Mai, năm 2018 số người bệnh bị động vật cắn nhập viện chiếm 20%, trong đó rắn cắn là nguyên nhân thường gặp nhất chiếm 20% trong các trường hợp ngộ độc cấp cứu tại Trung tâm. Số người bệnh bị rắn độc cắn đứng thứ 5 trong các trường hợp đến cấp cứu [5]. Do được cấp cứu, chẩn đoán và điều trị người bệnh bị rắn độc cắn đã đạt nhiều tiến bộ, ngoài các biện pháp sơ cứu ban đầu, thông khí nhân tạo, việc sử dụng huyết thanh kháng nọc độc rắn theo đường tĩnh mạch ngày càng được sử dụng rộng rãi, cải thiện kết quả điều trị, tỷ lệ tử vong đã giảm xuống (trước năm 2000 tỷ lệ là 3-11%, đến nay tỷ lệ này chỉ còn dưới 1%) song thời gian điều trị tích cực có thể kéo dài đến hàng tháng.

Ngoài việc được chăm sóc như một người bệnh có tổn thương, điều dưỡng viên cần có kế hoạch chăm sóc đặc biệt cho người bệnh bị độc cắn nhằm hạn chế các biến chứng giúp người bệnh sớm trở về với hoạt động bình thường. Những nghiên cứu liên quan đến việc chăm sóc người bệnh bị rắn độc cắn là thực sự cần thiết, đây là cơ sở để điều dưỡng viên xây dựng được kế hoạch chăm sóc cho người bệnh, góp phần cải thiện và nâng cao chất lượng chăm sóc toàn diện để mang lại sức khỏe tốt nhất cho những người bệnh. Chính vì vậy, tôi tiến hành nghiên cứu với 02 mục tiêu:

Mô tả đặc điểm lâm sàng, cận lâm sàng của người bệnh bị rắn cắn tại Trung tâm Chống độc, Bệnh viện Bạch Mai.

Chịu trách nhiệm: Dương Thị Lương

Email: luongson12345@gmail.com

Ngày nhận: 04/12/2020

Ngày phản biện: 06/01/2021

Ngày duyệt bài: 19/01/2021

Phân tích một số yếu tố liên quan đến kết quả chăm sóc người bệnh bị rắn cắn tại Trung tâm Chống độc, Bệnh viện Bạch Mai.

ĐỐI TƯỢNG VÀ PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

1. Cỡ mẫu nghiên cứu: 145 người bệnh điều trị rắn độc cắn tại Trung tâm Chống độc, Bệnh viện Bạch Mai từ tháng 02/2020 – 07/2020.

Thiết kế nghiên cứu: Cắt ngang mô tả tiên cứu kết hợp điều tra bằng bộ câu hỏi soạn sẵn

Biến số nghiên cứu:

+ Đặc điểm chung của người bệnh: Tuổi, giới, nghề nghiệp...

+ Đặc điểm lâm sàng: Dấu hiệu tại chỗ (dấu răng, đau, đo diện tích sưng nề và diện tích hoại tử theo nguyên tắc “con số 9”; dấu hiệu toàn thân (tim mạch, hô hấp, tiết niệu, thần kinh,...), phân loại mức độ nặng và tiến triển của các triệu chứng.

+ Đặc điểm cận lâm sàng: Công thức máu, đông máu, hóa sinh: creatinin, AST, ALT, điện giải đồ, CK, khí máu động mạch.. lúc vào viện và trong quá trình điều trị.

Công cụ thu thập số liệu: Hồ sơ bệnh án của người bệnh và phiếu thu thập số liệu.

Xử lý số liệu: Bảng phần mềm SPSS 16.0.

KẾT QUẢ

1. Đặc điểm lâm sàng, cận lâm sàng và chăm sóc người bệnh bị rắn độc cắn

- Đặc điểm lâm sàng của người bệnh bị rắn độc cắn

+ Những trường hợp nằm đến trên 7 ngày chủ yếu là những trường hợp rắn cắn nia, không có HTKN rắn nên các triệu chứng kéo dài

và chiều hướng gia tăng nặng.

+ Các triệu chứng: Đau buốt, sưng nề, tổn thương tổ chức, bọng nước có sự thay đổi theo từng khung giờ, tuy nhiên mức độ cải thiện của các triệu chứng cũng phụ thuộc vào các mức độ nhiễm độc, đáp ứng HTKN rắn và thời gian từ lúc bị rắn cắn đến khi nhập viện điều trị.

+ Mức độ nhẹ hoặc trung bình, thời gian nhập viện sớm <1 giờ thì các dấu hiệu cải thiện ngay trong vòng 1-6h và có thể xuất viện trong ngày.

- Đặc điểm cận lâm sàng của người bệnh bị rắn độc cắn: Các chỉ số cận lâm sàng được các Điều dưỡng viên(ĐDV) ghi nhận khi vào viện và theo dõi, đo lại vào khoảng 13-24 giờ, trừ 26 trường hợp mức độ nhẹ, thời gian nhập viện dưới <1 giờ được chỉ định tiêm HTKN nên trong khoảng 1-6 giờ tiến hành xét nghiệm, các dấu hiệu ổn định được xuất viện: 12 NB. Các chỉ số khác như giảm tiểu cầu, thời gian máu chảy và thời gian máu đông kéo dài, CK tăng và tăng chủ yếu ở nhóm nặng.

- Chăm sóc người bệnh bị rắn độc cắn: 100% phải thực hiện truyền dịch để giải độc, lợi tiểu trong trường hợp bị ngộ độc; 77,2% phải thực hiện truyền kháng sinh để giảm sưng nề; 38/145 người bệnh(NB) bị rắn cắn nia, rắn khác cắn và mức độ nhẹ không thực hiện và được theo dõi truyền HTKN rắn đặc hiệu do không có KHTN rắn, những trường hợp NB còn lại phụ thuộc vào tình trạng và mức độ để thực hiện liều lượng HTKN rắn và theo dõi tình trạng NB sau truyền.

91,7% người bệnh có kết quả chăm sóc tốt và hài lòng với cách chăm sóc.

2. Một số yếu tố liên quan đến chăm sóc người bệnh bị rắn độc cắn

Bảng 1. Mối liên quan giữa loại rắn cắn với kết quả chăm sóc NB

Loại rắn	Kết quả chăm sóc				p	OR (95%CI)
	Tốt		Trung bình			
	n	%	n	%		
Rắn hổ (hổ mang, chúa, cạp nia)	117	80,7	9	6,2	0,013	4,90 (1,39-17,27)
Rắn lục (lục tre, khô mộc)	11	7,6	4	2,8		

Có sự khác biệt về kết quả chăm sóc giữa 2 loại rắn hổ và rắn lục, những NB bị rắn hổ cắn có kết quả chăm sóc tốt hơn những NB bị rắn cắn. Sự khác biệt không có ý nghĩa thống kê.

Bảng 2. Mối liên quan giữa khả năng phục hồi và một số đặc điểm chung của NB

Đặc điểm		Kết quả chăm sóc				p	OR (95%CI)
		Tốt		Trung bình			
		n	%	n	%		
Giới	Nam	34	30,8	76	69,2	0,071	3,37 (0,90-12,63)
	Nữ	21	59,7	14	40,3		
Tuổi	≤ 45	83	67,8	40	32,2	0,008	8,80 (1,77-43,59)
	> 45	12	52,9	10	44,1		
Bảo hiểm y tế	Có	44	31,5	95	68,5	0,154	2,60 (0,76-6,98)
	Không	19	61,3	12	38,7		
Bệnh kèm theo	Không	84	62,9	50	37,1	0,001	2,5 (6,25-12,16)
	Có	5	43,6	6	56,4		

Về giới: Không có sự khác biệt có ý nghĩa thống kê giữa người bệnh nam và nữ bị rắn độc cắn về kết quả chăm sóc của điều dưỡng viên với $p > 0,05$.

Về tuổi: Những NB bị rắn độc cắn dưới 45 tuổi kết quả chăm sóc tốt hơn với những NB trên 45 tuổi bị rắn độc cắn, sự khác biệt này có ý nghĩa thống kê với $p < 0,05$.

Về bảo hiểm y tế (BHYT): Không có sự khác

biệt có ý nghĩa thống kê về kết quả chăm sóc ở NB có BHYT và không có BHYT, $p > 0,05$.

Về bệnh lý kèm theo: Có sự khác biệt có ý nghĩa thống kê về kết quả chăm sóc giữa NB bị rắn độc cắn có bệnh kèm theo và không có bệnh kèm theo, cụ thể những NB không có bệnh kèm theo có kết quả chăm sóc tốt hơn những người có bệnh kèm theo, $p < 0,05$.

Bảng 3. Mối liên quan giữa tình trạng vết cắn với kết quả chăm sóc của ĐDV

Đặc điểm		Kết quả chăm sóc tốt				p	OR
		Tốt		Trung bình			
		n	%	n	%		
Vết cắn	Ổn định	84	70,9	34	29,1	0,030	3,57 (1,06-11,95)
	Chưa ổn định (sưng tấy/phù nề/rất đau)	7	25,9	20	74,1		

Tình trạng vết cắt ảnh hưởng đến kết quả chăm sóc, cụ thể vết cắn ổn định có kết quả chăm sóc tốt cao hơn những NB còn vết cắt sưng tấy/phù nề/rất đau, sự khác biệt có ý nghĩa thống kê, $p < 0,05$.

Bảng 4. Mối liên quan giữa tình trạng mức độ nặng khi NB vào viện với kết quả chăm sóc

Đặc điểm		Kết quả chăm sóc				p	OR
		Tốt		Trung bình			
		n	%	n	%		
Mức độ nặng khi NB vào viện	Nhẹ, trung bình	10	13,8	61	86,2	0,217	2,20 (0,61-7,88)
	Nặng	5	6,8	69	93,2		

Có sự khác biệt về mức độ nặng của NB bị rắn độc cắn khi vào viện, tuy nhiên sự khác biệt không có ý nghĩa thống kê $p > 0,05$.

Bảng 5. Mối liên quan giữa khả năng phục hồi với kết quả chăm sóc NB

Đặc điểm		Khả năng phục hồi (toàn trạng)				p	OR
		Tốt		Trung bình			
		n	%	n	%		
Chăm sóc NB của điều dưỡng	Tốt	87	65,2	46	34,8	0,029	3,74 (1,07-13,09)
	Trung bình	8	66,7	4	33,3		

Có sự khác biệt có ý nghĩa thống kê giữa khả năng phục hồi của NB và kết quả chăm sóc của điều dưỡng viên cho NB, cụ thể những NB phục hồi thì kết quả chăm sóc NB cũng ở mức tốt và ngược lại, sự khác biệt này có ý nghĩa thống kê với $p < 0,05$.

BÀN LUẬN

Hầu hết các NB trong nghiên cứu của chúng tôi đều ở mức trung bình và nặng (81,9%), trong đó NB nặng chiếm 55% NB, không có BN nào là không có triệu chứng. Khác một số nghiên cứu của tác giả nước ngoài như Paret G và cộng sự nghiên cứu 37 trường hợp rắn lục cắn tại Israel [1] thấy 47,5% BN ở mức độ trung bình và nặng, Warrell DA, Tun-Pe và cộng sự nghiên cứu 137 trường hợp bị Russell's viper cắn cho thấy 28% không có triệu chứng, 28% chỉ có biểu hiện tại chỗ đơn thuần, 44% có biểu hiện nhiễm độc toàn thân [2], [5]. Điều này cũng dễ hiểu, có sự khác nhau đó là do độ nặng của nạn nhân tùy thuộc vào nhiều yếu tố cơ địa NB, loại rắn, lượng nọc độc vào cơ thể nạn nhân... Hơn nữa,

Trung tâm Chống độc, Bệnh viện Bạch Mai là tuyến điều trị cuối cùng, các NB nhập viện chủ yếu là những NB vượt quá khả năng được gửi từ các tuyến cơ sở tới, chính vì vậy số NB nặng trong lô nghiên cứu của chúng tôi cao.

Trong nghiên cứu của tôi không có trường hợp nào rối loạn nhịp tim, liệt, đồng tử giãn và hôn mê. Triệu chứng tụt huyết áp, thiếu niệu vô hiệu, khó thở chỉ gặp 1 trường hợp nhưng không phải khó thở do liệt cơ mà do sưng nề, xuất huyết chèn áp khí quản gây khó thở. Tất cả các triệu chứng trên trong nghiên cứu của chúng tôi chỉ gặp ở những trường hợp nặng, nhưng do số lượng NB trong lô nghiên cứu của chúng tôi còn ít, có thể đây là những dấu hiệu có ý nghĩa chẩn đoán mức độ nặng và tiên lượng bệnh. Khác hẳn với NB bị rắn hổ cắn: biểu hiện liệt thần kinh cơ là chủ yếu và chết do liệt cơ hô hấp mặc dù NB vẫn tỉnh [3], [4], [5].

Tăng men CK là những trường hợp bị nhiễm độc nặng gây tiêu hủy cơ làm tăng CK, tăng CK có mối tương quan với mức độ nặng của NB,

CK càng tăng thì mức độ càng nặng. Biểu hiện của suy thận cấp chiếm 7,5% (thiếu niệu, tăng creatini, tăng K máu), đây cũng là những trường hợp nặng bị tụt huyết áp, thiếu niệu ngay từ đầu. Nhưng do số lượng NB còn ít nên chúng tôi chưa so sánh được tình trạng tăng cretinin với các mức độ của bệnh. Tăng BC chiếm 35% BN các trường hợp nguyên nhân do nhiễm khuẩn, không có trường hợp nào tăng AST và ALT, sắt huyết thanh cũng không tăng.

KẾT LUẬN

Trong 145 trường hợp bị rắn độc cắn, 26 trường hợp ở mức độ nhẹ, 45 trường hợp ở mức độ trung bình và 74 trường hợp ở mức độ nặng.

Các chỉ số mạch, nhiệt độ, huyết áp và nhịp thở thay đổi theo từng khung giờ phụ thuộc tình trạng nhiễm độc và đáp ứng HTKN rắn.

Các chỉ số khác như giảm tiểu cầu, thời gian máu chảy và thời gian máu đông kéo dài, CK tăng và tăng chủ yếu ở nhóm mức độ nặng.

91,7% người bệnh có kết quả chăm sóc tốt và hài lòng với cách chăm sóc.

Các đặc điểm về bệnh lý kèm theo, tình trạng vết rắn độc cắn và khả năng phục hồi của người bệnh có liên quan đến kết quả chăm sóc người

bệnh bị rắn độc cắn

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Hifumi T, Sakai A, Yamamoto A, Murakawa M, Ato M, Shibayama K, et al. (2014), Effect of antivenom therapy of Rhabdophis tigrinus (Yamakagashi snake) bites. J Intensive Care. 2014;2(1):44.
2. Hifumi T, Sakai A, Yamamoto A, Murakawa M, Ato M, Shibayama K, et al. (2014), Clinical characteristics of yamakagashi (Rhabdophis tigrinus) bites: a national survey in Japan, 2000-2013. J Intensive Care. 2014;2(1):19.
3. Julian White (2020), "Snakebites worldwide: Management", *Uptodate Version 24.0, Jul. 2020*.
4. Vũ Văn Đính (1998), "Nhận xét về tình hình rắn độc cắn tại Phòng khám Cấp cứu A9, Bệnh viện Bạch Mai từ tháng 1/1998 đến tháng 10/1998", báo cáo tại Hội nghị Rắn độc và điều trị nạn nhân rắn độc cắn tại Thành phố Hồ Chí Minh.
5. Vũ Văn Đính, Nguyễn Kim Sơn (2000), "Một số nhận xét điều trị rắn hổ cắn bằng HTKN tại Khoa Chống độc Bệnh viện Bạch Mai", *Kỷ yếu công trình nghiên cứu khoa học cấp cứu-chống độc - hồi sức*, tr.311.323.

ĐÁNH GIÁ SỰ HÀI LÒNG CỦA BỆNH NHÂN VỀ DỊCH VỤ KHÁM CHỮA BỆNH NGOẠI TRÚ TẠI BỆNH VIỆN RĂNG HÀM MẶT TRUNG ƯƠNG HÀ NỘI NĂM 2020 VÀ MỘT SỐ YẾU TỐ LIÊN QUAN

TÓM TẮT

Nghiên cứu mô tả cắt ngang với mục tiêu: Đánh giá sự hài lòng của bệnh nhân (n=180), phỏng vấn trên 198 bệnh nhân về sự hài lòng khi đến điều trị tại 10 khoa ngoại trú Bệnh viện Răng Hàm Mặt Trung ương Hà Nội năm 2020. Kết quả cho thấy sự hài lòng 81,1%, không rõ ràng 14,5%, không hài lòng 4,4%.

Từ khóa: Sự hài lòng, khoa ngoại trú.

SUMMARY
ASSESSMENT OF PATIENT SATISFACTION WITH OUTPATIENT SERVICES AT HA NOI INTERNATIONAL

Chịu trách nhiệm: Đào Thị Hằng
Email: hangvrhm@gmail.com
Ngày nhận: 02/12/2020
Ngày phản biện: 11/01/2021
Ngày duyệt bài: 19/01/2021

TRẦN VĂN TIẾN, ĐÀO THỊ HẰNG
Bệnh viện Răng Hàm Mặt Trung ương Hà Nội

ODONTO STOMATOLOGICAL IN 2020 AND A NUMBER OF RELATED FACTORS

Descriptive cross-sectional study with the objective: Assessing the satisfaction of dental patients (n = 180), interviewing over 198 patients about the satisfaction of treatment at 10 outpatient departments of the Dental Hospital Hanoi Central Government 2020. The results show that satisfaction 81.1%, normal 14.5%, dissatisfied 4.4%.

Keywords: Satisfaction, outpatient departments.

ĐẶT VẤN ĐỀ

Trong hệ thống y tế của các quốc gia, bệnh viện chiếm một vị trí quan trọng trong công tác chăm sóc và bảo vệ sức khỏe người dân. Theo tài liệu của Tổ chức Y tế Thế giới (WHO) thì bệnh viện là một tổ chức rất phức tạp, có môi trường làm việc phức tạp. Bởi lẽ, những tiến bộ